

Số: 34/2023/QĐST-DS

N, ngày 14 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành được lập ngày 06/7/2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 59/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn S, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, Ninh Thuận.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn N, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Khu phố y, phường B, Tp. P, Ninh Thuận. (Giấy ủy quyền ngày 10/4/2023).

*Bị đơn:* Ông Phạm H, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu phố z, thị trấn Phước Dân, huyện N, Ninh Thuận.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố j, phường V, Tp. P, Ninh Thuận. (Giấy ủy quyền ngày 12/5/2023).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phan Thị Thu H1, sinh 1969.

- Chị Nguyễn Thị Hoàng H2, sinh 1990.

- Chị Nguyễn Thị H3, sinh 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, Tp. P, Ninh Thuận.

- Chị Nguyễn Thị Kim H4, sinh 1995.

Địa chỉ: Khu phố h, thị trấn P, huyện N, Ninh Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm H, bà Nguyễn Thị G với bà Phan Thị Thu H1, ông Nguyễn S (ông S chết 2018, có người thừa kế gồm: Bà Phan Thị Thu H1, chị Nguyễn Thị Hoàng H2, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị Kim H4 và anh Nguyễn S) lập ngày 12/5/2000.

- Bà Phan Thị Thu H1, chị Nguyễn Thị Hoàng H2, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị Kim H4 và anh Nguyễn S được quyền sử dụng diện tích đất 177m<sup>2</sup> (trong đó 47m<sup>2</sup> đất ODT và 130m<sup>2</sup> đất NKH. Thửa đất có 67,8m<sup>2</sup> thuộc HLBVATĐB) thuộc thửa số 1030 (tách ra từ thửa 119) tờ bản đồ 19b tại khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Phần đất trên là một phần trong diện tích đất 626m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ 19b khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 278814, ngày 11/5/2007 cho ông Phạm H.

Thửa đất có vị trí từ cận như sau:

- + Cạnh hướng Đông: Giáp ao nước Bầu Trúc;
- + Cạnh hướng Tây: Giáp đường tỉnh lộ 703;
- + Cạnh hướng Nam: Giáp thửa đất 121.
- + Cạnh hướng Bắc: Giáp thửa đất 1031 (tách ra từ thửa 119).

*(Theo trích lục bản đồ địa chính số 1156/2023, ngày 12/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh N).*

Bà Phan Thị Thu H1, chị Nguyễn Thị Hoàng H2, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị Kim H4 và anh Nguyễn S có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Ông Phạm H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý biên động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 278814, ngày 11/5/2007 do UBND huyện N cấp theo quy định của pháp luật về đất đai.

Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Nguyễn S đồng ý chịu toàn bộ số tiền chi phí là 4.208.000đ. Anh S đã nộp đủ chi phí.

Về án phí: Anh Nguyễn S đồng ý nộp số tiền 150.000đ án phí DSST, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007441, ngày 14/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Hoàn trả cho anh Sáng 150.000đ tiền chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh ;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (AV, HS).

**THẨM PHÁN**

**Vũ Văn Cường**